

Số: 05/2025/QĐST-LĐ

Bình Tân, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Lê Thị Thu Ba.

Thư ký phiên họp: ông Võ Minh Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên họp: ông Đoàn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-LĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc “yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 74/2025/QĐST-LĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1990. Địa chỉ thường trú: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, ông Nguyễn Văn M trình bày: ông Nguyễn Văn M đã cho ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1996; Địa chỉ thường trú: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang mượn chứng minh nhân dân số 35198**** để vào làm việc tại Công ty T từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013, có hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội với số bảo hiểm số 791216****. Ông Nguyễn Văn P đã nghỉ việc tại Công ty T từ tháng 04/2013 đến nay.

Cũng trong khoảng thời gian này (từ tháng 08/2010 đến tháng 10/2023) ông M làm việc tại Công ty X (phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh) và có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ là 7910335***.

Nay ông yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn M (do ông Nguyễn Văn P thực hiện) với Công ty T từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 là vô hiệu. Ngoài ra, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ông Nguyễn Văn P có bản tự khai ngày 13/02/2025, như sau: Năm 2012, ông đã mượn của ông Nguyễn Văn M (sinh năm 1990, địa chỉ thường trú: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang) chứng minh nhân dân số 35198**** để vào làm việc tại Công ty T từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013, có hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội với sổ bảo hiểm số 791216****. Ông đã nghỉ việc tại Công ty T từ tháng 04/2013 đến nay.

Cũng trong khoảng thời gian này (từ tháng 08/2010 đến tháng 10/2023 ông Nguyễn Văn M làm việc tại Công ty X (phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh) và có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ là 791033****.

Nay ông Nguyễn Văn P đồng ý với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa Nguyễn Văn M (do ông Nguyễn Văn P thực hiện) với Công ty T từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 là vô hiệu. Ngoài ra, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Hiện nay, Công ty T đã giải thể, không còn hoạt động.

Tại phiên họp:

Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý việc dân sự tới thời điểm mở phiên họp, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Thẩm phán tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên họp tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn M về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn M (do ông Nguyễn Văn P thực hiện) với Công ty T trong khoảng thời gian từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Bình Tân nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn M (do ông Nguyễn Văn P thực hiện) với Công ty T từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 là vô hiệu. Xét, nơi giao kết và thực hiện hợp đồng lao động là Công ty T có địa chỉ tại phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh – đây là việc dân sự yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, theo quy định tại khoản 1 Điều 33; điểm d

khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: ông Nguyễn Văn M; ông Nguyễn Văn P; Bảo hiểm Xã hội quận Bình Tân có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn M (do ông Nguyễn Văn P thực hiện) với Công ty T từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 là vô hiệu: căn cứ kết quả xác minh quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại Bảo hiểm Xã hội quận Bình Tân: ông Nguyễn Văn M, sinh ngày 27/11/1990, số CMND 35198****, có tham gia BHXH tại Công ty T, quá trình từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013; tham gia BHXH tại Công ty Z quá trình từ 04/2013 đến 06/2014, số hồ BHXH 791216****. Như vậy, trong thời gian từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 tên Nguyễn Văn M đã đóng bảo hiểm xã hội 03 lần do ông Nguyễn Văn M cho ông Nguyễn Văn P mượn giấy tờ cá nhân để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty T và đồng thời làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty X Việt Nam.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*” và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*” và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTĐ-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thì: “*...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định*

tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”. Do đó, có cơ sở xác định việc ông Nguyễn Văn P mượn hồ sơ cá nhân của ông Nguyễn Văn M để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 791216**** từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 tại Công ty T là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

Từ những nhận định trên, yêu cầu của ông Nguyễn Văn M về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn M (do ông Nguyễn Văn P thực hiện) với Công ty T từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 là vô hiệu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn M chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn M.

1. Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn M (do ông Nguyễn Văn P thực hiện) với Công ty T từ tháng 03/2012 đến tháng 03/2013 là vô hiệu.

Điều chỉnh tên Nguyễn Văn M trên sổ BHXH số 791216**** thành tên Nguyễn Văn P.

Ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn P liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh tên trên sổ BHXH số 791216**** từ tên Nguyễn Văn M sang tên Nguyễn Văn P.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Nguyễn Văn M phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0048851 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân. Ông Nguyễn Văn M đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày người vắng mặt nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THADS Q.Bình Tân;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Thu Ba